

Đánh giá an toàn tài chính trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

NGUYỄN LÊ NGUYỄN DUNG

Đại học Tài chính- Kế toán

Sự an toàn của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM), trong đó là an toàn tài chính, có tác động rất lớn đến sự phát triển và ổn định kinh tế vĩ mô. Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ năm 2008 cho đến nay đã tác động mạnh đến an toàn tài chính hệ thống NHTM nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Những năm gần đây, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã từng bước hoàn thiện các văn bản pháp lý nhằm xây dựng nền tảng cần thiết đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, hướng đến một hệ thống tài chính lành mạnh, ổn định và thực hiện tốt vai trò phân bổ vốn trong nền kinh tế. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, hệ thống NHTM Việt Nam vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, xuất hiện các yếu tố bất ổn như nợ xấu tăng nhanh, khả năng sinh lời giảm... Bài viết đánh giá an toàn tài chính của hệ thống NHTM Việt Nam giai đoạn 2010- 2014 qua các chỉ tiêu chính như an toàn vốn, an toàn tín dụng, an toàn thanh khoản, kết quả kinh doanh và đề xuất một số khuyến nghị.

1. Đánh giá an toàn tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

An toàn tài chính của NHTM được hiểu là việc duy trì được ổn định (stability) và lành mạnh (soundness) tài chính trong hoạt động của ngân hàng, trên cơ sở đó, giảm thiểu và hạn chế được rủi ro hệ thống.

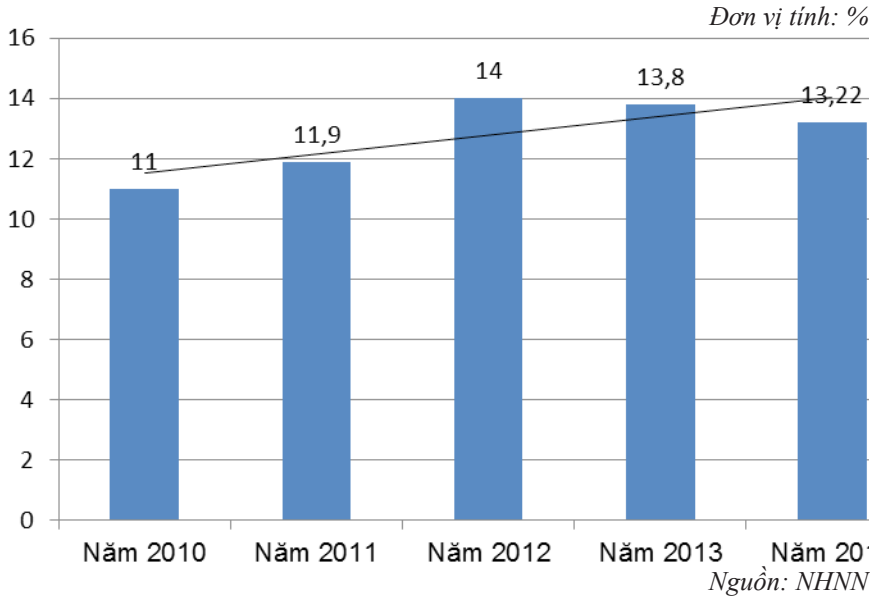
An toàn tài chính của NHTM được đánh giá qua một số chỉ tiêu chính bao gồm: An toàn vốn, an toàn tín dụng, an toàn thanh khoản và kết quả kinh doanh.

1.1. Đánh giá an toàn vốn

Hoạt động kinh doanh của NHTM chứa đựng rất nhiều rủi ro mà có thể gây ra những thiệt hại lớn cho ngân hàng, đôi khi dẫn ngân hàng đến bờ vực phá sản. Vốn tự có (vốn chủ sở hữu) với chức năng bảo vệ sẽ giúp ngân hàng bù đắp những thiệt hại và đảm bảo cho ngân hàng tránh khỏi nguy cơ trên. Chính vì vậy, vốn tự có của một NHTM luôn là đối tượng quản lý của các cơ quan quản lý ngân hàng, là một tiêu chuẩn để xác định tính an toàn của NHTM nhằm điều chỉnh hoạt động của các ngân hàng. Để đáp ứng các chỉ tiêu an toàn vốn



Hình 1. Hệ số CAR của hệ thống NHTM Việt Nam giai đoạn 2010- 2014



theo thông lệ quốc tế (Basel II), các NHTM Việt Nam phải đạt được những mức vốn tối thiểu tại các mốc thời gian cụ thể theo qui định tại Nghị định số 141/2006/NĐ-CP và Nghị định số 10/2011/NĐ-CP.

Ngoài ra, hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) cũng là một chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng, được quy định trong chuẩn Basel. CAR là tỷ số của vốn tự có và tổng tài sản có rủi ro (tức giá trị các tài sản có nhân với hệ số rủi ro). Ở Việt Nam, theo quy định tại Thông tư 13/2010 của NHNN, các NHTM phải duy trì hệ số CAR tối thiểu là 9%.

Giai đoạn 2012- 2013, vốn tự có của các NHTM Việt Nam có sự suy giảm một phần do nguồn vốn thặng dư từ cổ phiếu, lợi nhuận để lại quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không cao trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và ngành ngân hàng. Ngoài ra, sự sụt giảm vốn tự có còn do nợ xấu phát sinh tăng, các NHTM phải tăng trích lập dự phòng rủi ro để có nguồn giảm tỷ lệ nợ xấu xuống mức an toàn, làm giảm lợi nhuận của các ngân hàng. Tính đến thời điểm 31/12/2014 tổng vốn tự có của nhóm NHTM NN là 169.696 tỷ đồng, tăng 1,87% so với thời điểm cuối năm 2013; của nhóm NHTM CP là 203.154 tỷ đồng tăng 5,71%.

Về hệ số CAR, nhìn chung các NHTM đều

đảm bảo thực hiện quy định an toàn vốn tối thiểu 9% theo Thông tư 13. Cụ thể, hệ số an toàn vốn của cả hệ thống ngân hàng đã tăng từ mức 11% năm 2010 lên mức 11,9% năm 2011, tiếp tục đạt mức 14% năm 2012, 13,8% năm 2013 và 13,22% năm 2014. Tuy nhiên, hệ số CAR cao trong bối cảnh hệ thống NHTM gặp nhiều khó khăn cũng chưa hẳn là tín hiệu tốt, bởi vì có thể ngân hàng giảm hoặc không thể cho vay nhiều hoặc các ngân hàng tập trung vào các khoản đầu tư an toàn với hệ số rủi ro thấp

như trái phiếu chính phủ, dẫn đến tổng tài sản có rủi ro giảm. Do đó, nếu hệ số này luôn duy trì ở mức quá cao, mà nguyên nhân do tăng vốn điều lệ trong khi không cho vay được với mức tương ứng sẽ ảnh hưởng đến khả năng sinh lợi của ngân hàng.

1.2. Đánh giá an toàn tín dụng

Một trong những tiêu chí quan trọng được sử dụng để đánh giá an toàn tín dụng của các NHTM là chỉ tiêu nợ xấu trên tổng dư nợ. Thời gian qua, NHNN đã ban hành nhiều văn bản điều chỉnh công tác xử lý nợ xấu và định hướng công tác xử lý nợ xấu của các TCTD, tạo môi trường thuận lợi cho xử lý và hạn chế nợ xấu phát sinh.

Những năm gần đây, nợ xấu của các NHTM Việt Nam liên tục gia tăng, đã ảnh hưởng tiêu cực tới sự an toàn, ổn định của hệ thống ngân hàng cũng như làm giảm khả năng cho vay của hệ thống NHTM. Nợ xấu đã liên tục tăng từ mức 2,6% dư nợ năm 2010 lên 3,4% năm 2011, 4,08% năm 2012. Năm 2013, tình hình kinh tế vĩ mô được cải thiện và dần phục hồi, cộng với những nỗ lực của hệ thống TCTD, diễn biến nợ xấu đã có những tín hiệu khả quan. Tính đến cuối tháng 12/2013, tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống đã giảm mạnh về mức 3,63%. Để có được những kết quả trên, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã tích cực, chủ động thực hiện các giải pháp để



kiểm chế nợ xấu gia tăng và xử lý nợ xấu như: Cơ cấu lại nợ để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục được vốn vay phục vụ sản xuất; kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí hoạt động, tích cực đôn đốc, thu hồi nợ, trích lập dự phòng và xử lý nợ xấu bằng dự phòng rủi ro; bán nợ, xử lý tài sản đảm bảo; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng và hạn chế nợ xấu phát sinh mới... Đáng chú ý là việc thành lập và đưa vào hoạt động Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC).

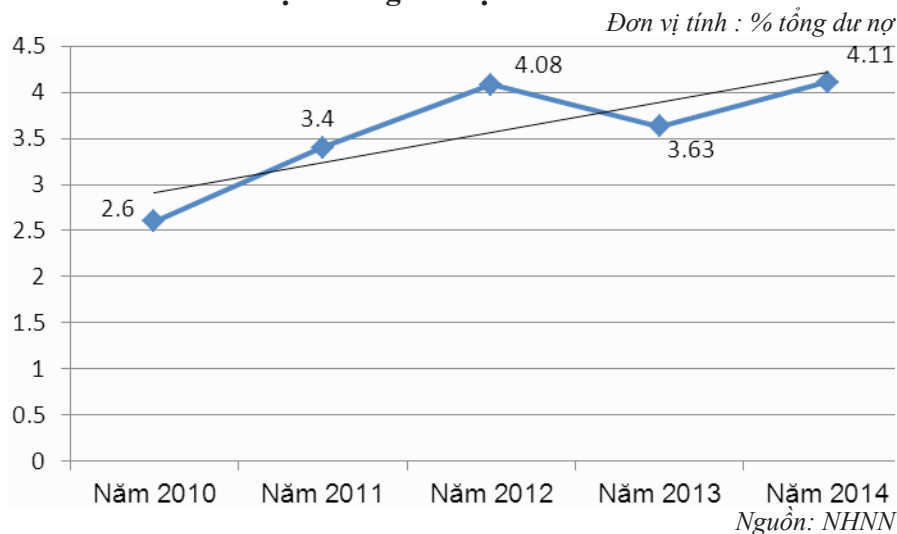
Tính đến cuối tháng 7/2014, tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống ngân hàng là 4,11%, tăng trở lại so với thời điểm cuối năm 2013, nguyên nhân nợ xấu gia tăng trở lại là: (i) Các TCTD bắt đầu thực hiện quy định mới về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của NHNN (gọi tắt là TT 02) có hiệu lực từ 01/6/2014, dẫn đến nợ xấu tăng; (ii) do những khó khăn nội tại của nền kinh tế, sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn; tình trạng doanh nghiệp phá sản, ngừng hoạt động tiếp tục gia tăng; thị trường bất động sản phục hồi chậm, khả năng trả nợ của khách hàng vay hạn chế; (iii) công tác thanh tra, giám sát của NHNN mặc dù đã được tăng cường nhưng vẫn chưa ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động tín dụng của NHTM, nhất là các vi phạm quy định về hạn chế cấp tín dụng và việc đầu tư quá mức vào một số lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao.

Diễn biến nợ xấu của các NHTM trong thời gian qua phức tạp với tỷ lệ nợ xấu liên tục biến động. Các NHTM cần đánh giá chính xác thực trạng nợ xấu, chủ động xử lý nợ xấu, đồng thời hạn chế nợ xấu phát sinh trong tương lai.

1.3. Đánh giá an toàn thanh khoản

Thông tư số 36/2014/TT-NHNN quy định các

Hình 2. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2010-2014



TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nắm giữ những tài sản có tính thanh khoản cao để dự trữ đáp ứng các nhu cầu đến hạn và phát sinh ngoài dự kiến. Theo qui định của Thông tư 36, tỷ lệ dự trữ thanh khoản (khả năng thanh toán ngay) đối với các NHTM là 10%.

Thực tế, đa số các NHTM Việt Nam đều đáp ứng quy định của NHNN về tỷ lệ khả năng thanh toán ngay ($\geq 15\%$) và khả năng thanh toán trong 7 ngày ($\geq 100\%$), trong đó, hầu hết các NHTM đáp ứng tỷ lệ khả năng thanh toán ngay ở mức khoảng 15- 17% trong giai đoạn 2012-2014.

Một chỉ số đánh giá an toàn thanh khoản của NHTM theo thông lệ là tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động (LDR). Theo quy định của Thông tư 36/2014/TT-NHNN thì giới hạn LDR được NHNN cho phép đối với các NHTM CP là 80% và đối với các NHTM NN là 90%. Do đó, khi tỷ lệ này vượt quá mức qui định trên là dấu hiệu cảnh báo các NHTM đang đối mặt với rủi ro thanh khoản, các nhà quản trị ngân hàng cần có giải pháp đưa tỷ lệ này về mức an toàn nhằm hạn chế rủi ro thanh khoản cho ngân hàng.

Giai đoạn 2009- 2011, LDR của các NHTM Việt Nam từ trên 100% cho đến 120%- mức khá cao so với các nước trong khu vực như của Thái Lan là 95,8%, Malaysia 79,3%, Indonesia 75,5%, Philippines 62,6% (năm 2011)... LDR



cao cho thấy ngân hàng sẽ đối mặt với rủi ro nếu xảy ra việc rút tiền gửi đột ngột, nhất là các ngân hàng dựa quá nhiều vào nguồn tiền gửi để tài trợ cho tăng trưởng tín dụng. Tuy nhiên, từ đầu năm 2012 đến nay, LDR của hệ thống các NHTM Việt Nam đã có sự cải thiện khá nhanh chóng: LDR bình quân là 88,5% giai đoạn 2012- 2013, và thời điểm 30/9/2014, LDR khoảng 78%- là mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Chỉ số này thấp chứng tỏ các NHTM dư thanh khoản, tuy nhiên điều này cũng chứng tỏ các NHTM không sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động, ảnh hưởng đến khả năng sinh lợi của ngân hàng.

1.4. Đánh giá kết quả kinh doanh

Hai chỉ số quan trọng phản ánh kết quả kinh doanh của NHTM là tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE). Trong giai đoạn 2012-2013, ROA và ROE của hệ thống NHTM Việt Nam giảm mạnh: ROE của cả hệ thống từ mức 11,64% năm 2010 xuống 10,4 % năm 2011, 6,31% vào cuối năm 2012, 5,18% vào cuối năm 2013. Hệ số ROA năm 2012 là 0,62%, giảm xuống mức 0,49% năm 2013. Khả năng sinh lời giảm là hậu quả tất yếu của tình trạng tăng trưởng tín dụng thấp, ứ đọng vốn, chi phí trích lập dự phòng cao, giảm chênh lệch lãi suất cho vay và huy động; ngoài ra còn do tổng tài sản,

vốn điều lệ của hệ thống các TCTD vẫn tăng trưởng khá tốt vào năm 2013 trong khi đó tốc độ tăng trưởng lợi nhuận không theo kịp. Sang năm 2014, cả hai chỉ số này đều có mức tăng nhẹ, cụ thể ROE tăng lên mức 5,47% và ROA là 0,51% vào cuối quý III. Trong đó, đối với các NHTM hoạt động bình thường, hiệu quả kinh doanh tăng trưởng ổn định phù hợp với tốc độ tăng trưởng của quy mô, chẳng hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (BIDV) thì khả năng sinh lời cao hơn rất nhiều so với mức trung bình ngành, cụ thể ROE đạt 14,4%, và ROA đạt 0,8% trong năm 2014.

2. Khuyến nghị nhằm tăng cường an toàn tài chính cho hệ thống NHTM Việt Nam

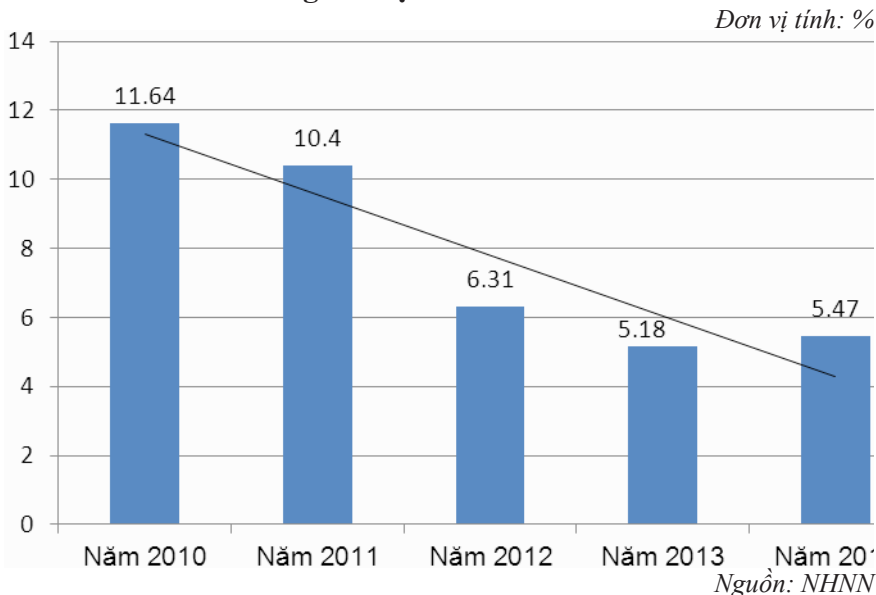
Thứ nhất, tăng cường công tác xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh.

Như đã đề cập, nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ nợ xấu tăng nhanh là do những khó khăn nội tại của nền kinh tế, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, khả năng trả nợ của khách hàng vay hạn chế. Ngoài ra, còn do các NHTM áp dụng Thông tư 02/2013/TT- NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng. Theo đó, ưu đãi trong xếp hạng nợ đối với nhóm doanh nghiệp gặp khó khăn tạm thời theo Quyết định 780 sẽ không còn, nợ của

nhóm doanh nghiệp này sẽ được chuyển nhóm như các tiêu chí phân loại nợ thông thường. Điều này khiến cho nợ xấu tăng lên (do phần lớn doanh nghiệp vẫn đang gặp khó khăn về sản xuất kinh doanh, chưa trả được nợ).

Do đó, trước hết các NHTM cần cơ cấu lại nợ, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, xây dựng kế hoạch xử lý nợ xấu trong đó có các giải pháp bán nợ xấu cho VAMC. Rà soát, tiết giảm các chi phí hoạt động và tập trung mọi nguồn lực

Hình 3. Tỷ lệ ROE của hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2010-2014





cho việc xử lý nợ xấu.

Bên cạnh đó, việc xử lý nợ xấu cần gắn liền với công tác nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh trong tương lai. Vì vậy, các NHTM cần nâng cao chất lượng thẩm định; quyết định cấp tín dụng; giám sát tín dụng, đôn đốc khách hàng tập trung sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng trả nợ; đồng thời tuân thủ nghiêm túc các quy định cấp tín dụng.

Ngoài những nỗ lực từ phía các NHTM, cần có sự hỗ trợ từ NHNN, sự phối hợp của các Bộ, Ngành có liên quan trong việc xử lý nợ xấu như hoàn thiện cơ sở pháp lý cho xử lý nợ xấu của VAMC; nâng cao năng lực giám sát, thực thi các quy định về phân loại nợ. Đồng thời, VAMC cần tăng cường phối hợp chặt chẽ với NHTM trong việc thu hồi nợ, cơ cấu lại nợ, bán và xử lý nợ, tài sản bảo đảm đối với các khoản nợ xấu đã mua; hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay phục hồi sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các dự án dở dang; tiếp xúc, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia mua, xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm.

Thứ hai, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả kinh doanh

Trước thực tế khả năng sinh lời của các NHTM trong những năm gần đây có xu hướng giảm, mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ khó khăn chung của nền kinh tế, các NHTM cần cơ cấu lại hoạt động kinh doanh và danh mục tài sản, đồng thời từng bước định hướng lại chiến lược kinh doanh theo hướng đưa dòng vốn vào những lĩnh vực kinh tế thực, ít rủi ro, đồng thời giảm lệ thuộc vào hoạt động tín dụng. Cụ thể:

+ Thực hiện chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho các lĩnh vực sản xuất, hỗ trợ giảm bớt khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh theo hướng giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng và tăng nguồn thu từ các hoạt động phi tín dụng trên cơ sở đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, chuyển tiền, thanh toán, đa dạng hóa sản

phẩm dịch vụ ngân hàng.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng của ngân hàng Nhà nước

Một trong những nguyên nhân dẫn đến nợ xấu gia tăng, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và an toàn hoạt động của các NHTM là việc một số ngân hàng vi phạm các qui định về an toàn hoạt động của NHNN, chạy theo lợi nhuận trước mắt để đầu tư vào các lĩnh vực có rủi ro cao, bỏ qua các qui định của quy trình cấp tín dụng... trong một khoảng thời gian dài mà không được phát hiện và chấn chỉnh kịp thời, dẫn đến các vụ vi phạm nghiêm trọng gây thất thoát tài sản, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hệ thống NHTM cũng như nền kinh tế.

Trước thực tế trên, việc hoàn thiện cơ sở pháp lý quy định về hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo và tăng cường pháp chế, kỷ luật nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; giúp phát hiện sớm các trường hợp vi phạm, cảnh báo, ngăn ngừa và xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng góp phần đảm bảo an toàn hệ thống cũng như hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

Bên cạnh đó, cần từng bước kết hợp thanh tra tuân thủ với thanh tra trên cơ sở rủi ro, xây dựng các mô hình phân tích định lượng, đánh giá và dự báo rủi ro nhằm nhận diện, cảnh báo sớm các rủi ro xảy ra đối với từng ngân hàng. Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu cơ bản (ROE, ROA, giới hạn cấp tín dụng, bảo lãnh... đối với từng loại quy mô NHTM) để thuận tiện cho việc xếp loại, đánh giá và kiểm soát hoạt động các NHTM nhằm đảm bảo an toàn hệ thống.

Thứ tư, nâng cao năng lực quản trị và hiện đại hóa công nghệ tại các NHTM

Hệ thống ngân hàng sẽ phải đối mặt nhiều rủi ro hơn trong bối cảnh tự do hóa tài chính khi những yếu kém về mặt thể chế và năng lực quản trị của hệ thống NHTM chưa được khắc phục. Những yếu kém tiềm ẩn này là nguyên nhân chính của các cuộc khủng hoảng tài chính, bên cạnh các nguyên nhân khác như sự thiếu lành mạnh của hệ thống chính sách quản lý vĩ mô, thiếu một hệ thống giám sát hiệu quả và sự



không tuân thủ tính logic và trình tự của những cải cách tài chính.

Với triển vọng kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, dự báo hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng Việt Nam vẫn chưa thể khả quan nếu các vấn đề trên không được giải quyết triệt để. Tăng trưởng tín dụng cho dù có được cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp, nợ xấu vẫn còn cao, khả năng sinh lời giảm. Trước thực tế trên, các NHTM cần thực hiện một số biện pháp cụ thể sau:

+ Nâng cao chất lượng hệ thống quản trị, điều hành, củng cố hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ và xây dựng, phát triển các hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Tiến hành bố trí hợp lý cán bộ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh có trình độ nghiệp vụ cao, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

+ Tiếp tục hoàn thiện, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin (hệ thống ngân hàng điện tử, thanh toán, chuyên tiền nội bộ...) để hỗ trợ cho hoạt động quản trị, điều hành và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, NHNN cần tăng cường xây dựng văn

bản quy phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước của NHNN trong lĩnh vực tiền tệ, ngành ngân hàng. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai quyết liệt công tác cơ cấu lại các tổ chức tín dụng đảm bảo đạt được mục tiêu, lộ trình đặt ra tại Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015”. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngân hàng Nhà nước (2013), Thông tư số 02/2013/TT-NHNN.
2. Ngân hàng Nhà nước (2014), Thông tư số 36/2014/TT-NHNN.
3. PGS.TS Tô Ngọc Hưng (2013), “Thực trạng xử lý nợ xấu của ngành ngân hàng Việt Nam năm 2012- 2013 và một số khuyến nghị chính sách”.
4. PGS.TS Lý Hoàng Ánh (2013), “Những bất cập trong hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng ở Việt Nam hiện nay”.
5. PGS.TS Hạ Thị Thiều Dao (2013), “Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam 2011- 2013 và những vấn đề đặt ra”.
6. TS Lê Thị Thùy Vân (2013), “Đảm bảo an toàn tài chính trong hệ thống NHTM Việt Nam năm 2012- 2013 và thách thức chính sách”

SUMMARY

Evaluating financial safety of commercial banking system in Viet Nam

One of the main factors in safety of commercial banking system is the financial safety. It not only impacts on economy growth but also macroeconomic stability.

The financial crisis that broke in the US and other Western economies in late 2008, there is now serious concern about its impact on the developing countries including Viet Nam. In recently years, Central bank of Viet Nam has promulgated many legal instruments to raise the knowledge bases in order to build the foundation necessary to ensure safe banking operations, towards a powerful and stable financial system. However, in nearly time, commercial banking system in VN still has existed risk and increased many unfavourable factors such as bad debts went up considerably, profitability decreased sharply, ... According to the article, I evaluate financial safety of commercial banking system in VN from 2010 to 2014 by financial indicators such as capital adequacy ratio, credit adequacy, liquidity adequacy, income statement. I also give some recommendations to reinforce financial safety of commercial banking system in VN.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Lê Nguyên Dung,

Đơn vị công tác: Đại Học Tài chính- Kế toán, tỉnh Quảng Ngãi

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính- Ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải:

Email: nguyennlenguyendung@tckt.edu.vn